TÒA ÁN NHÂN DÂNTHỊ XÃCAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:107/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phạm Thị Phượng;

+Bà Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:124/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-DS ngày05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ: số nhà 08 đường X, phường Y, quận G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

1/ Ngô A, chuyên viên xử lý nợ (có đơn xin vắng mặt);

2/ Trần B, chuyên viên xử lý nợ (có mặt);

Cùng địa chỉ: số nhà 01 đường M, phường N, quận E , Thành phố Hồ Chí Minh;

Là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Quyết định ủy quyền số 76/2017/QĐUQ-HĐQT ngày 10/11/2017 và Giám đốc Công ty

TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q theoVăn bản ủy quyền số 12/2019/UQ-NCB ngày 14/01/2019.

- *Bị đơn:*Trần D, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Hứa T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Hứa X, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: số nhà 27 đường P, phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Huỳnh H, sinh năm 1951 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngân hàng TMCP Q và anh Trần D, chị Hứa T ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 108/16/HĐCV/110-11 ngày 28/3/2016, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất nợ trong hạn 11,5%/năm và sau đó sẽ thay đổi 03 tháng/lần với biên độ (+) 4,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi bằng lãi suất nợ quá hạn tương ứng thời gian chậm trả, phương thức trả nợ theo kỳ hạn (mỗi kỳ hạn tương ứng 01 tháng), khoản trả kỳ hạn tiền gốc là 4.760.000 đồng, kỳ hạn tiền gốc cuối cùng là 4.920.000 đồng, khoản trả kỳ hạn lãi suất tính theo dư nợ thực tế, bắt đầu trả từ ngày 25/4/2016; Ngân hàng TMCP Q có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước thời hạn toàn bộ vốn vay trong trường hợp bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay theo thỏa thuận và có quyền chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn, phạt chậm trả lãi.

Về biện pháp đảm bảo cho khoản vay, ông Trần D, bà Hứa T, bà Huỳnh H và Ngân hàng TMCP Q có ký kết Hợp đồng thế chấp số 108/16/HĐTC/110-11 ngày 28/3/2016. Theo điều khoản hợp đồng, ông Trần D, bà Hứa T, bà Huỳnh H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 4, diện tích 382,8m^2 tại ấp H, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện

C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00366QSDĐ/1165/QĐUB(H)3/04 ngày 28/10/2004.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q giải ngân đối với số tiền vay và được ông Trần D, bà Hứa T ký nhận, lãi suất vay được thay đổi ngày 28/6/2016 là 12,5%/năm, ngày 28/6/2019 là 13,0%, ông Trần D và bà Hứa T có trả gốc và lãi được 36 kỳ thì ngưng thanh toán, nên ông Trần D và bà Hứa T còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 228.640.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 24.513.419 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.616.866 đồng, phạt chậm trả lãi 2.163.314 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019.

- Hợp đồng hạn mức số 172/16/HĐHM/110-11 ngày 17/5/2016 với số tiền là 950.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 10,5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó sẽ thay đổi 03 tháng/lần với biên độ (+) 3,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, phạt chậm trả lãi bằng lãi suất nợ quá hạn tương ứng thời gian chậm trả, phương thức trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng, nếu trả nợ không đúng thời hạn Ngân hàng có quyền chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, phạt chậm trả lãi bằng lãi suất nợ quá hạn tương ứng thời gian chậm trả.

Về biện pháp đảm bảo cho khoản vay, ông Trần D, bà Hứa T, ông Hứa X và Ngân hàng TMCP Q có ký kết Hợp đồng thế chấp số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016. Theo điều khoản hợp đồng, ông Trần D, bà Hứa T, ông Hứa X thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.257,0m^2 tại ấp Y, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00772 ngày 15/7/2013.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q giải ngân đối với số tiền vay và được ông Trần D, bà Hứa T ký nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh ngày 20/10/2017 là 11%/năm, đến hạn trả nợ ông Trần D và bà Hứa T có trả gốc 30.000.000 đồng, lãi suất nợ trong hạn 26.943.055 đồng, lãi nợ quá hạn 954.555 đồng, nên còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 920.000.000 đồng, lãi suấtnợ trong hạn là 78.084.723 đồng, lãi suất nợ quá hạn là 208.857.917 đồng, phạt chậm trả lãi 21.694.769 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019.

Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc ông Trần D và bà Hứa T phải trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ là 1.485.571.007 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 1.148.640.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 19/8/2019 là 336.931.007 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Trần D và bà Hứa T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 108/16/HĐTC/110-11 ngày 28/3/2016 và Hợp đồng thế chấp số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016 để thu hồi nợ.

* Tại bản khai ngày 17 tháng 7 năm 2019 và quá trình tố tụng, bị đơn Trần D và Hứa T trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Q về việc ký kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Ông bà thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.148.640.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết.

Hiện nay do kinh tế gia đình đang vào thời kỳ khó khăn nên ông bà yêu cầu được thỏa thuận với Ngân hàng để các bên tìm hướng thanh toán các khoản nợ phải trả.

* Tại bản khai ngày 17 tháng 7 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa X trình bày:

Ông và Trần D, bà Hứa T với Ngân hàng TMCP Q có ký kết Hợp đồng thế chấp số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.257,0m^2 tại ấp Y, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để vay vốn. Đề nghị Ngân hàng xem xét cấp lại khoản vay với lãi suất ưu đãi để ông trả các khoản nợ.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ Huỳnh H đã được Toà án thông báo và tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản sao Quyết định ủy quyền số 76/2017/QĐUQ-HĐQT ngày 10/11/2017; bản sao Giấy ủy quyền số 12/2019/UQ-NCB ngày 14/01/2019; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; bản

sao Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Quyết định về việc chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Q; bản sao Quyết định về việc thay đổi tên gọi của Ngân hàng TMCP Nam Việt; bản sao Hợp đồng hạn mức số 172/16/HĐHM/110/11; bản sao Hợp đồng cho vay số 108/16/HĐCV/110-11; bản sao Khế ước nhận nợ số 01/2016/KUNN/172/16/HĐHM/110-11 ngày 17/5/2016; bản sao Khế ước nhận nợ số 01/2017/KUNN/172/16/HĐHM/110-11 ngày 20/7/2017; bản sao Khế ước nhận nợ số 02/2016/KUNN/172/16/HĐHM/110-11 ngày 18/5/2016; bản sao Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/108/16/HĐCV/110-11 ngày 28/3/2016; bản sao Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 172-01/2016/HD9SD9BD/HĐTC/110-11; bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2016/HĐTC/110-11; bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 108/16/HĐTC/110-11; bản sao Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 17/5/2016; bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00366 ngày 28/10/2004 cấp cho Huỳnh H; bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00772 ngày 15/7/2013 cấp cho Hứa X; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2010 ngày 17/9/2010; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Hứa X; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Hứa T; bản sao Sổ hộ khẩu thường trú của hộ Huỳnh H; Bản khai của Trần B ngày 16/7/2019 và ngày 20/8/2019; bảng kê tính lãi suất. Bị đơn Hứa T và Trần D cùng cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ngày 17/7/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa X cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ngày 17/7/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh H cung cấp tài liệu, chứng cứ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Hứa T,Trần D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa X, Huỳnh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh H đã được Toà án thông báo và tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Ngày 28/3/2016, ông Trần D, bà Hứa T và Ngân hàng TMCP Q ký kết Hợp đồng tín dụng số 108/16/HĐCV/110-11 để vay tiền. Theo điều khoản hợp đồng, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất nợ trong hạn 11,5%/năm trong 03 tháng đầu và sau đó sẽ thay đổi 03 tháng/lần với biên độ (+) 4,0%/năm, phương thức trả nợ theo kỳ hạn (mỗi kỳ hạn tương ứng 01 tháng), khoản trả kỳ hạn tiền gốc là 4.760.000 đồng, kỳ hạn tiền gốc cuối cùng là 4.920.000 đồng, khoản trả kỳ hạn lãi suất tính theo dư nợ thực tế, bắt đầu trả từ ngày 25/4/2016; Ngân hàng TMCP Q có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước thời hạn toàn bộ vốn vay trong trường hợp bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay theo thỏa thuận và có quyền chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, phạt chậm trả lãi bằng lãi suất nợ quá hạn tương ứng thời gian chậm trả. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q giải ngân đối với số tiền vay và được ông Trần D, bà Hứa T ký nhận, lãi suất vay được điều chỉnh ngày 28/6/2016 là 12,5%/năm, ngày 28/6/2019 là 13,0%, ông Trần D và bà Hứa T có trả gốc và lãi được 36 kỳ thì ngưng thanh toán, nên ông Trần D và bà Hứa T còn nợ các khoản gồm: tiền nợ gốc là 228.640.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 24.513.419 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.616.866 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.163.314 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019.

Về biện pháp đảm bảo cho khoản vay, ông Trần D, bà Hứa T, bà Huỳnh H và Ngân hàng TMCP Q ký kết Hợp đồng thế chấp số 108/16/HĐTC/110-11 ngày 28/3/2016. Theo điều khoản hợp đồng, ông Trần D, bà Hứa T, bà Huỳnh H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 4, diện tích 382,8m^2 tại ấp H, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00366QSDĐ/1165/QĐUB(H)3/04 ngày 28/10/2004.

- Ngày 17/5/2016, ông Trần D, bà Hứa T và Ngân hàng TMCP Q ký kết Hợp đồng hạn mức số 172/16/HĐHM/110-11 ngày 17/5/2016 để vay tiền. Theo điều khoản hợp đồng, số tiền vay là 950.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 10,5%/năm trong 03 tháng đầu và sau đó sẽ thay đổi 03 tháng/lần với biên độ (+) 3,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng,

nếu trả nợ không đúng thời hạn Ngân hàng có quyền chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, phạt chậm trả lãi bằng lãi suất quá hạn tương ứng thời gian chậm trả. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q giải ngân đối với số tiền vay và được ông Trần D, bà Hứa T ký nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh ngày 20/10/2017 là 11%/năm, đến hạn trả nợ ông Trần D và bà Hứa T có trả gốc 30.000.000 đồng, lãi suất nợ trong hạn 26.943.055 đồng, lãi nợ quá hạn 954.555 đồng, nên còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 920.000.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 78.084.723 đồng, lãi nợ quá hạn là 208.857.917 đồng, phạt chậm trả lãi là 21.694.769 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019.

Về biện pháp đảm bảo cho khoản vay, ông Trần D, bà Hứa T, ông Hứa X và Ngân hàng TMCP Q ký kết Hợp đồng thế chấp số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016. Theo điều khoản hợp đồng, ông Trần D, bà Hứa T, ông Hứa X thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.257,0m^2 tại ấp Y, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00772 ngày 15/7/2013.

Xét thấy, các hợp đồng số 108/16/HĐCV/110-11 ngày 28/3/2018 và số 172/16/HĐHM/110-11 ngày 17/5/2016 được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần D, bà Hứa T là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; việc ông Trần D và bà Hứa T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định:

*"**Điều 463. Hợp đồng vay tài sản***

Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.".

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

*"**Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay***

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.".

Như vậy, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc ông Trần D và bà Hứa T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 1.485.571.007 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.148.640.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 102.598.142 đồng, lãi nợ quá hạn là 23.858.083, phạt chậm trả lãi là 210.474.782 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019) là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần D, bà Hứa T, bà Huỳnh H tại Hợp đồng thế chấp số 108/16/HĐTC/110-11 ngày 28/3/2016 và giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần D, bà Hứa T, ông Hứa X tại Hợp đồng thế chấp số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016 là phù hợp quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự.

Điều 317 Bộ luật Dân sự quy định:

*"**Điều 317. Thế chấp tài sản***

1. Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp).

2. Tài sản thế chấp do bên thế chấp giữ. Các bên có thể thỏa thuận giao cho người thứ ba giữ tài sản thế chấp."

Do vậy, việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự quy định:

"Điều 299. Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm

1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ".

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộiquy định: *"2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận."*. Như vậy, ông Trần D và bà Hứa T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q được Tòa án chấp nhận. Theo Điểm d Tiểu mục 1.3 Mục1 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định: "*Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000đồng mức thu án phí là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng*", số tiền án phí ông Trần D và bà Hứa T phải chịu là 56.567.130 đồng [36.000.000 đồng + (3% x 685.571.007 đồng)].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1.Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Trần D và bà Hứa T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 1.485.571.007 đồng.

Kể từ ngày 20/11/2019, ông Trần D và bà Hứa T còn phải trả lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 108/16/HĐCV/110-11 ngày 28/3/2016 và Hợp đồng hạn mức số 172/16/HĐHM/110-11 ngày 17/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần D và bà Hứa T đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên.

Trường hợp ông Trần D và bà Hứa T không thực hiện trả nợ, Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 108/16/HĐTC/110-11 ngày 28/3/2016 và số 172/2016/HĐTC/110-11 ngày 17/5/2016 để thu hồi nợ.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Trần D và bà Hứa T phải liên đới chịu 56.567.130 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 28.172.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0002397 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hứa X, bà Hứa T, ông Trần D, bà Huỳnh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Lê Huy